

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÁI SƠN

Số: 40/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tái Sơn, ngày 03 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÁI SƠN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND xã ngày 19 tháng 7 năm 2023 của HĐND xã khóa XXIII, kỳ họp thứ 7 về quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2022;

Theo đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2022 (theo các biểu đính kèm Quyết định này).

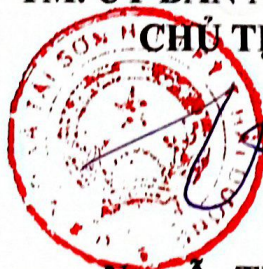
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND & HĐND xã; Công chức Tài chính-kế toán; các ban ngành, đoàn thể xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Thọ

Tái Sơn, ngày 30 tháng 06 năm 2023

PHỤ LỤC
QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

S TT	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN
A	PHẦN THU	7,532,695,948
I	THU THƯỜNG XUYÊN	4,912,695,948
1	Các khoản thu 100%	218,038,947
1.1	Thu HL công sản , & quỹ đất CD	162,296,000
1.2	Các khoản thu khác	55,742,947
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	338,277,001
1.1	Phí và lệ phí	14,057,000
1.2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	37,589,074
1.3	Thuế môn bài hộ nhỏ	4,700,000
1.4	Lệ phí trước bạ nhà đất	28,784,405
1.5	Thuế thu nhập cá nhân	17,531,828
1.6	Thuế giá trị gia tăng	25,959,824
1.9	Số dư năm 2021 chuyển	209,654,870
3	Thu điều tiết từ ngân sách cấp trên	4,356,380,000
II	THU ĐẦU TƯ CÔNG	2,620,000,000
1.1	Thu trợ cấp XD Trường Tiểu học	300,000,000
1.2	Thu trợ cấp XD đường GT xã	320,000,000
1.3	Thu trợ cấp XD công trình phụ trợ trường Trung học	2,000,000,000
B	PHẦN CHI	7,293,608,000
I	CHI THƯỜNG XUYÊN	4,673,608,000
1	Chi quản lý nhà nước	1,523,251,600
2	Chi hội đồng nhân dân	241,004,000
3	Chi công tác Đảng	595,843,000
4	Chi công tác Mặt trận	274,728,000
5	Chi công tác hội CCB	116,855,000
6	Chi công tác hội Nông Dân	123,416,000
7	Chi công tác phụ nữ	132,148,000
8	Chi công tác đoàn thanh niên	114,962,000
9	Chi công tác TN niên xung phong	12,728,000
10	Chi công tác hội người cao tuổi	36,940,000
11	Chi công tác hội khuyến học	22,364,000
12	Chi công tác hội Da cam	12,728,000
13	Chi công tác quân sự	358,826,400
14	Chi công tác An ninh	143,456,000
15	Chi sự nghiệp văn hoá	15,410,000
16	Chi sự nghiệp thông tin	29,840,000
17	Chi sự nghiệp thể thao	24,000,000
18	Chi sự nghiệp xã hội	486,285,000

19	Chi cơ sở thôn	178,386,000
20	Chi công tác hội chữ thập đỏ	7,917,000
21	Chi sự nghiệp nông nghiệp	45,320,000
22	Chi sự nghiệp giao thông-Thủy lợi môi trường	142,200,000
23	Chi hội CQ nhân	2,000,000
24	Chi hoạt động công đoàn	15,000,000
25	Chi công tác TT ND-Giám sát CD	6,000,000
26	Chi sự nghiệp giáo dục	12,000,000
II	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	2,620,000,000
1	Chi trả XD Đường giao thông liên xã	320,000,000
2	Chi trả XD Tu sửa nâng cấp trường Trung học	1,000,000,000
3	Chi trả XD Công trình phụ trợ trường Trung học xã	1,000,000,000
4	Chi trả XD trường Tiểu học xã	300,000,000
III	THU HỘ	83,794,744
1	Thu hộ quỹ thiên tai	13,746,000
2	Thu hỗ trợ làm thêm giờ	1,015,000
3	Thu tiền thuê trạm phát sóng VT	36,000,000
4	Thu hộ tiền điện hộ nghèo	30,478,400
5	Thu hộ tiền ủy nhiệm thu thuế phi NN	2,555,344
IV	CHI HỘ	83,794,744
1	Chi nộp hộ quỹ thiên tai	3,612,000
2	Chi hộ tiền điện hộ nghèo	30,478,400
3	Chi hỗ trợ làm thêm giờ	1,015,000
4	Chi nộp tiền trạm phát sóng VT sang thu NS	30,000,000
5	Chi nộp quỹ thiên tai sang thu Ngân sách	10,134,000
6	Chi trả công HĐ tiền thuê bảo vệ trạm phát sóng VT	6,000,000
7	Chi hộ tiền ủy nhiệm thu thuế phi NN	2,555,344

CÂN ĐỐI

V	TỔNG THU	7,616,490,692
I	<i>Thu thường xuyên</i>	4,912,695,948
II	<i>Thu không thường xuyên</i>	2,620,000,000
III	<i>Thu hộ</i>	83,794,744
VI	TỔNG CHI	7,377,402,744
I	<i>Chi thường xuyên</i>	4,673,608,000
II	<i>Chi không thường xuyên</i>	2,620,000,000
III	<i>Chi hộ</i>	83,794,744
<i>Dư tại kho bạc</i>		239,087,948

Viết bằng chữ: Hai trăm ba mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy ngàn
chín trăm bốn mươi tám đồng